

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP
ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ
số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30 tháng 6 năm 2011;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định
số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ
công nghiệp.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP
ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp như sau:**

1. Bổ sung Khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Tổ chức kinh doanh tiền chất thuốc nổ phải là doanh nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 25 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Việc sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển, mua bán tiền chất thuốc nổ phải đảm bảo các yêu cầu về an ninh, trật tự theo quy định quản lý vật liệu nổ công nghiệp và đảm bảo các yêu cầu an toàn theo quy định pháp luật về hoá chất nguy hiểm.”

2. Sửa đổi Khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Tổ chức sản xuất vật liệu nổ công nghiệp phải là doanh nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 25 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30 tháng 6 năm 2011.”

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu, mua tiền chất thuốc nổ từ các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ; đảm bảo mức dự trữ nguyên liệu sản xuất, tiền chất theo kế hoạch đã cam kết với tổ chức kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.”

4. Sửa đổi Khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Tổ chức kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp phải là doanh nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 25 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30 tháng 6 năm 2011.”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 34 như sau:

“1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép theo Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 33, lập hồ sơ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 36 Nghị định này.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép theo mẫu quy định;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c) Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, yêu cầu quy định tại Chương II Nghị định này, tương ứng với loại hoạt động đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép.

Bộ Công Thương quy định chi tiết hồ sơ các văn bản chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, yêu cầu về sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng và dịch vụ nổ mìn cho các tổ chức quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 36 Nghị định này.

Bộ Quốc phòng quy định chi tiết hồ sơ các văn bản chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, yêu cầu về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng.”

6. Sửa đổi Khoản 2 Điều 34 như sau:

“2. Bộ Quốc phòng quy định chi tiết hồ sơ các văn bản chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, yêu cầu về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Bộ Công an quy định chi tiết hồ sơ các văn bản chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, yêu cầu về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đối với các đối tượng còn lại.”

7. Sửa đổi Khoản 3 Điều 34 như sau:

“3. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép không phải nộp các giấy tờ quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này nếu những thông tin cần thiết trong văn bản đó đã được cung cấp, công bố đầy đủ trên trang tin điện tử chính thức của cơ quan ban hành các văn bản đó.”

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 34 như sau:

“5. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép cho tổ chức đề nghị cấp phép; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức đề nghị cấp phép; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

9. Sửa đổi Khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Không quy định về thời hạn hiệu lực của Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Định kỳ hàng năm, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra các tổ chức được cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện việc chấp hành các điều kiện quy định trong Giấy phép, Giấy chứng nhận; xử lý vi phạm theo quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp.”

10. Sửa đổi Điểm a Khoản 3 Điều 35 như sau:

“3. Thời hạn của Giấy phép quy định như sau:

a) Không quá 05 (năm) năm đối với Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ khai thác khoáng sản”.

11. Sửa đổi Điểm d Khoản 3 Điều 35 như sau:

“d) Theo thời hạn đề nghị trong hồ sơ nhưng không quá 06 (sáu) tháng đối với Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp”.

12. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 35 như sau:

“4. Bộ Công Thương quy định chi tiết mẫu Giấy chứng nhận, Giấy phép sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng và dịch vụ nổ mìn.

Bộ Quốc phòng quy định chi tiết mẫu Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và quy định cụ thể trình tự, thủ tục cấp và tạm ngừng cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Bộ Công an quy định chi tiết mẫu Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và quy định cụ thể trình tự, thủ tục cấp và tạm ngừng cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng còn lại.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“1. Cơ quan quản lý chuyên ngành vật liệu nổ công nghiệp thuộc Bộ Công Thương cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và Giấy phép dịch vụ nổ mìn; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức là doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối do các Bộ, ngành Trung ương hoặc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước làm đại diện chủ sở hữu vốn, các doanh nghiệp hoạt động dầu khí, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ quan đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện hoặc ủy quyền Sở Công Thương tổ chức thực hiện việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức còn lại, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này đã được cổ phần hóa mà nhà nước không giữ cổ phần chi phối, khi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do Bộ Công Thương cấp trước đây đã hết hạn.

3. Bộ Công an quy định cơ quan cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Bộ Quốc phòng quy định cơ quan cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.”

14. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Trường hợp tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ có thay đổi một trong các nội dung về đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động của Giấy chứng nhận, Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 36 Nghị định này cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận, Giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh gồm đơn đề nghị và tài liệu chứng minh việc điều chỉnh một trong các nội dung về đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động. Thời hạn thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép theo quy định tại Khoản 8 Điều này.”

15. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 3 Điều 42 như sau:

“1. Tổ chức kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy cho các tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trước khi cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Tổ chức kiểm tra, cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. Tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ theo quy định pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn về tạm ngừng cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong các trường hợp cần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội khi có hoạt động cấp quốc gia hoặc ở những khu vực nhạy cảm về an ninh chính trị.”

16. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3 Điều 43 như sau:

“2. Tổ chức kiểm tra, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các doanh nghiệp quốc phòng, đơn vị quân đội làm kinh tế. Tổ chức kiểm tra, cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. Phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

3. Phối hợp với Bộ Công an quy định về tạm ngừng cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong các trường hợp cần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội khi có hoạt động cấp quốc gia hoặc ở những khu vực nhạy cảm về an ninh chính trị.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2012.

2. Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ cấp cho tổ chức theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo thời hạn quy định tại Giấy phép.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển-Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).N. 300

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng